TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/DS-ST
Ngày 25 tháng 10 năm 2018
V/V: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Nhất.

2. Bà Nguyễn Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đĩnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2018/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2018 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐXX-ST ngày 31 tháng 8 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2018/QĐST-DS ngày 26/9/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Khổng Văn K, sinh năm 1946.

Địa chỉ: Số 86, đường L, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền của ông K: Bà Giáp Thị V, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn V, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Bà V có mặt)

* Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1965 và bà Bế Thị C, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Số nhà A, tổ dân phố H, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số 86, đường L, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền của Bà X: Bà Giáp Thị V, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn V, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Bà V có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơnKhổng Văn K và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Giáp Thị V trình bày:

Ông Khổng Văn K và ông Nguyễn Hữu C có quan hệ quen biết từ lâu. Ông C nhiều lần vay tiền của ông K để trang trải cuộc sống, vay nhiều lần và cũng đã nhiều lần. Đến nay, còn một số khoản vay Ông C vay đã lâu mà không trả cho ông K, cụ thể:

Ngày 05/2/2005: Ông C vay 6.000.000 đồng.

Ngày 11/12/2005: Ông C vay 6.000.000 đồng.

Ngày 17/12/2005: Ông C vay 1.000.000 đồng.

Ngày 15/11/2008: Ông C vay 10.000.000 đồng.

Ngày 28/11/2008: Ông C vay 20.000.000 đồng.

Tất cả các lần, Ông C là người trực tiếp vay, mục đích để chi tiêu cá nhân, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/1 tháng, thời hạn vay không xác định, khi nào ông K cần thì báo trước Ông C 1 tháng để thu xếp.

Toàn bộ số tiền 43.000.000 đồng cho Ông C vay là tài sản chung của của ông K và vợ là bà Nguyễn Thị X, không liên quan gì đến ai khác. Từ năm 2010 đến nay, ông K nhiều lần đòi Ông C trả nợ nhưng Ông C luôn khất nợ vì hoàn cảnh khó khăn.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, ông K yêu cầu chị Bế Thị C vợ Ông C có trách nhiệm trả nợ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/4/2018, ông K xác định bà C không liên quan đến các khoản vay trên nên ông K không yêu cầu bà C có nghĩa vụ trả nợ cùng Ông C. Ông K yêu cầu cá nhân Ông C phải trả: Tiền gốc 43.000.000 đồng và tổng tiền lãi kể từ ngày vay tạm tính đến ngày 21/5/2018 là 40.497.500 đồng (theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm xét xử sơ thẩm).

Tại Văn bản ý kiến ngày 08/5/2018, Biên bản lấy lời khai ngày 21/5/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị X do bà Giáp Thị V đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà nhất trí với yêu cầu và quan điểm của ông K. Số tiền cho Ông C vay là tài sản chung của Bà X và ông K nhưng Bà X nhất trí để ông K toàn quyền quyết định. Đề nghị Tòa án tuyên buộc Ông C trả toàn bộ tiền gốc và lãi cho ông K. Bà X không có yêu cầu độc lập hay ý kiến gì khác.

Bị đơn là ông Nguyễn Hữu C và bà Bế Thị C đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số nhà A, tổ dân phố H, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Từ năm 2010 đến nay, Ông C và bà C vắng mặt tại nơi cư trú nhưng không cắt tạm trú, tạm vắng, không thông báo cho chính quyền địa phương hiện nay làm gì, ở đâu. Tòa án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp tiếp cận,

công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, quyết định xét xử, quyết định hoàn phiên tòa hợp lệ tại nơi cư trú của Ông C, bà C.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải được vì Ông C, bà C đều vắng mặt.

Ngày 26/9/2018, Tòa án mở phiên tòa, Ông C, bà C vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, Ông C, bà C tiếp tục vắng mặt. Ông K do bà V đại diện theo ủy quyền giữ nguyên quan điểm đã trình bày, yêu cầu cá nhân Ông C trả số tiền gốc 43.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này kể từ ngày nộp đơn khởi kiện (30/01/2018) đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi xuất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm xét xử sơ thẩm; rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà C có nghĩa vụ cùng Ông C trả nợ cho ông K. Bà X do bà V đại diện theo ủy quyền cũng giữ nguyên quan điểm đã trình bày, không bổ sung thay đổi gì.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các bị đơn chưa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết đối với vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Khổng Văn K , buộc ông Nguyễn Hữu C trả ông K số tiền gốc 43.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này kể từ ngày nộp đơn khởi kiện (31/01/2018) đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Khổng Văn K về việc buộc bà Bế Thị C có nghĩa vụ trả tiền cùng ông Nguyễn Hữu C. Ông C phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Nguyễn Hữu C và bà Bế Thị C có hộ khẩu thường trú tại Số nhà A, tổ dân phố H, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Ông C có nghĩa vụ phải trả nợ cho ông Khổng Văn K. Tuy nhiên, từ năm 2010, Ông C cùng vợ con đi khỏi địa phương nhưng không thông báo gì cho chính quyền địa phương và ông K, chứng tỏ Ông C cố tình giấu địa chỉ. Tòa án nhân dân thành phố B niêm yết các văn bản tố tụng cho Ông C, bà C tại nơi cư trú theo qui định của pháp luật nhưng Ông C, bà C không đến Tòa án làm việc và không tham gia các phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Ông C, bà C là đảm bảo qui định tại các Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông K cho Ông C vay tổng số tiền 43.000.000 đồng không xác định thời hạn phải thanh toán. Từ năm 2010, Ông C không có mặt tại địa phương nên ông K chưa đòi được nợ. Quan hệ tranh chấp giữa ông K và Ông C là quan hệ tranh chấp giữa cá nhân với cá nhân về việc vay tài sản. Các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh nên ngày 30/01/2018 ông K đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố B. Do đó, quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo qui định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông K khởi kiện trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 427 của Bộ luật dân sự 2005, Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án là đảm bảo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung:

[4.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc Ông C trả nợ gốc 43.000.000 đồng: Căn cứ các giấy vay tiền ngày 05/2/2005, 11/12/2005, 17/12/2005, 15/11/2008, 28/11/2008 do ông K cung cấp và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định Ông C đã vay ông K tổng số tiền 43.000.000 đồng là có thật. Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, thông báo Giấy triệu tập, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, thông báo về phiên hòa giải.... nhưng Ông C không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gì. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của ông K về việc buộc Ông C phải trả số tiền gốc 43.000.000 đồng theo Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4.2]. Đối với yêu cầu trả tiền lãi: Trong các giấy vay tiền do ông K cung cấp không đề cập đến tiền lãi, lãi suất. Ông K khai lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/1 tháng nhưng không có tài liệu chứng minh. Nay, ông K do bà V đại diện yêu cầu Ông C phải trả tiền lãi của số tiền vay kể từ ngày nộp đơn khởi kiện 31/1/2018 theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Yêu cầu trên của ông K phù hợp với qui định tại Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Ông C không có ý kiến phản hồi nên cần được chấp nhận.

Theo Quyết định số 2868/QD-NHNN ngày 29/11/2010, có hiệu lực từ ngày 01/12/2010, lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 9%/năm tương đương 0,75%/tháng và 0,025%/ngày. Thời gian kể từ ngày 31/1/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 8 tháng 25 ngày nên số tiền lãi tương ứng là:

(43.000.000 đồng x 0,75% x 8 tháng) + (43.000.000 đồng x 0,025% x 25 ngày) = 2.848.750 đồng.

[4.2.3]. Tổng số tiền gốc và lãi Ông C phải thanh toán cho ông K là 45.848.750 đồng.

[5]. Đối với yêu cầu buộc bà Bế Thị C có nghĩa vụ trả nợ cùng Ông C: quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên toà, ông K do bà V đại diện xin rút yêu cầu này, chỉ yêu cầu cá nhân Ông C phải trả nợ. Việc rút yêu cầu của ông K (do bà V đại diện) là tự nguyện nên cần đình chỉ giải quyết yêu cầu này theo khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6]. Ông Khổng Văn K, bà Nguyễn Thị X đều xác định số tiền cho Ông C vay là tài sản chung của ông K, Bà X. Nay Bà X đề nghị Tòa án tuyên Ông C phải trả toàn bộ số tiền trên cho ông K. Đây là sự nguyện của Bà X, cần được chấp nhận.

[7]. Về án phí: Yêu cầu của ông K được chấp nhận nên Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 427, Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 184; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Khổng Văn K.

2. Buộc ông Nguyễn Hữu C phải trả ông Khổng Văn K tổng số tiền 45.848.750 đồng (Bốn mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Khổng Văn K về việc buộc bà Bế Thị C có nghĩa vụ trả nợ cùng ông Nguyễn Hữu C.

5. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Hữu C phải chịu 2.292.440 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có

mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKS TP B,
- CCTHA dân sự TP B,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hương Giang